

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÂM HÀ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/DS-ST

Ngày: 30/8/2022

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng dân  
sự vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Anh.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Thanh Tuấn

2. Ông Nguyễn Thanh Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Khắc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2022/TLST-DS ngày 18/4/2022 về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2022/QĐST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Bà Phan Thị Thu T (L), sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(*Ông H có đơn xin giải quyết vắng mặt, bà T vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng H trình bày:

Ông và bà Phan Thị Thu T (tên thường gọi là L) có mối quan hệ họ hàng trong gia đình nên ông cho bà T vay tiền cụ thể như sau:

Vào ngày 05/02/2021, ông trực tiếp cho vợ chồng ông Đặng Hùng S, bà Phan Thị Thu T (L) vay số tiền là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày vay. Lãi suất thỏa thuận là 0,8%/tháng tính từ ngày vay, mục đích vay là sinh hoạt trong gia đình và cho con ăn học, khi vay không cầm cố, thế chấp tài sản gì. Việc cho vay là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc lừa dối, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nào. Khi cho bà T vay, ông là người giao tiền cho bà T (L) trực tiếp nhận đủ, đồng thời bà T (L) ký và viết tên vào giấy vay tiền lập ngày 05/02/2021 với ông.

Quá trình vay tiền của ông bà T (L) vi phạm cam kết thỏa thuận không thực hiện việc trả tiền nợ vay đúng hạn cho ông đối với khoản tiền gốc và tiền lãi nào.

Ông đã yêu cầu bà T (L) trả khoản vay nhiều lần nhưng bà T (L) chây ỳ, cố tình trốn tránh không thực hiện việc trả nợ vay cho ông.

Trước đây, tại đơn khởi kiện ông có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đặng Hùng S, bà Phan Thị Thu T phải trả cho ông số nợ gốc là 350.000.000đồng  $\times$  0,8%  $\times$  02 tháng = 5.600.000đồng. Lãi chậm trả: 350.000.000đồng  $\times$  0,8%  $\times$  2 tháng  $\times$  0,83%  $\times$  12 tháng = 557.000đồng. Lãi trên nợ gốc quá hạn: 350.000.000đồng  $\times$  0,8%  $\times$  12 tháng = 33.600.000đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là: 389.757.000 (Ba trăm tám mươi chín triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn đồng).

Giấy vay tiền chỉ có bà Phan Thị Thu T (L) ký tên và viết tên trong giấy vay tiền với ông mà không có chữ ký và chữ viết của ông Đặng Hùng S chồng bà T (L). Việc vay tiền của ông chỉ có bà T vay, nhận tiền từ ông, đồng thời bà T (L) là người trực tiếp ký xác nhận với ông vào giấy vay tiền ngày 05/02/2021, việc vay tiền của ông không liên quan gì đến ông S chồng bà T nên ông không yêu cầu ông Đặng Hùng S trả nợ vay cho ông. Nay ông chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị Thu T (L) trả cho ông số tiền gốc là 350.000.000đồng, tiền lãi theo mức lãi suất là 0,8%/tháng như thỏa thuận theo giấy vay tiền lập ngày 05/02/2021, lãi suất tính từ ngày 05/02/2021 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án. Ngoài ra, ông không yêu cầu nào khác.

Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng bà Phan Thị Thu T (L) vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được, bà Phan Thị Thu T (L) không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn

ông Nguyễn Hoàng H.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phan Thị Thu T (L) không đến Tòa án làm việc, không tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ mà không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ là chưa thực hiện đúng và đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng H.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn bà Phan Thị Thu T (L) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Phan Thị Thu T (L) vắng mặt đến lần thứ 02 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng H, bị đơn bà Phan Thị Thu T (L) là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết*: Ông Nguyễn Hoàng H khởi kiện Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị Thu T (L) phải trả cho ông H số tiền gốc là 350.000.000đ và tiền lãi suất theo mức lãi suất là 0,8%/tháng nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng H với bị đơn bà Phan Thị Thu T (L), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

[3] *Về nội dung*:

[3.1] *Đối với yêu cầu trả nợ gốc*: Theo giấy vay tiền lập ngày 05/02/2021 được đánh máy trên khổ giấy A4, thể hiện các nội dung “ *Bên vay là bà Phan Thị Thu T (L) vay 350.000.000đồng, thời hạn cho vay là 02 tháng kể từ ngày ký nhận vay, sau khi ký giấy vay tiền này, bên cho vay sẽ giao toàn bộ số tiền*

350.000.000đồng cho bên vay, Lãi suất được hai bên thỏa thuận là 0,8%/ tháng tính từ ngày vay, ngoài ra còn thể hiện mục đích vay tiền, khi vay là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, cam kết trả nợ gốc, nợ lãi...và thể hiện chữ ký và chữ viết của bên vay là bà Phan Thị Thu T (L) ” Việc vay tiền giữa ông Nguyễn Hoàng H và bà Phan Thị Thu T (L) là có trên thực tế, quá trình vay tiền bà Phan Thị Thu T (L) không thực hiện đúng cam kết mà hai bên đã thỏa thuận trong giấy vay tiền lập ngày 05/02/2021 với ông H. Đến hạn trả nợ vay ông H đã yêu cầu bà Phan Thị Thu T (L) trả nợ nhiều lần nhưng bà T cố tình né tránh không thực hiện việc trả nợ cho ông. Vì vậy ông Nguyễn Hoàng H khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị Thu T (L) phải trả cho ông số tiền gốc là 350.000.000đ theo là có căn cứ. Do vậy cần buộc bà Phan Thị Thu T (L) phải trả cho ông Nguyễn Hoàng H số tiền gốc là 350.000.000đ.

[3.2] *Đối với yêu cầu trả tiền lãi:*

Ông Nguyễn Hoàng H yêu cầu bà Phan Thị Thu T (L) phải trả tiền lãi đối với số tiền gốc là 350.000.000đ tính từ ngày 05/02/2021 đến ngày 30/8/2022 theo mức lãi suất là 0,8%/tháng.

Về thời điểm ông H yêu cầu tính lãi suất bắt đầu từ ngày vay là phù hợp, bởi lẽ, ngày 05/02/2021 là ngày ông H cho bà Phan Thị Thu T (L) vay tiền. Tính đến thời điểm này, bà Phan Thị Thu T (L) đã vay và nhận số tiền gốc từ ông H là 350.000.000đ.

Về mức lãi suất, trước đây ông H yêu cầu mức lãi suất 1,66%/tháng, nay ông chỉ yêu cầu tính lãi suất theo lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong giấy mượn tiền lập ngày 05/02/2021 là 0,8%/tháng, việc yêu cầu tính lãi suất của ông H là phù hợp với quy định của pháp luật, xét thấy tại giấy mượn tiền ghi ngày 05/02/2021 có thể hiện các bên đã thỏa thuận về lãi suất. Mặt khác, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”*

Do vậy, lãi suất được tính cụ thể như sau:  $350.000.000đ \times 0,8\%/tháng \times 18$  tháng 25 ngày = 52.733.000đ.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, cần buộc bà Phan Thị Thu T (L) phải trả cho ông H số tiền gốc là 350.000.000đ, tiền lãi là 52.733.000đ. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 402.733.000đ.

[4] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn bà Phan Thị Thu T (L) phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật là: 20.109.000đồng (20.000.000đồng +  $(4\% \times (2.733.000đồng))$ ).

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; khoản 2 Điều 266; khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng H về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bà Phan Thị Thu T (L).

Buộc bà Phan Thị Thu T (L) phải trả cho ông Nguyễn Hoàng H số tiền nợ gốc là 350.000.000đ, tiền lãi là 52.733.000đ, tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 402.733.000đ (Bốn trăm lẻ hai triệu bảy trăm ba mươi ba ngàn đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

2. Về án phí:

Buộc bà Phan Thị Thu T (L) phải nộp 20.109.000đ (Hai mươi triệu một trăm lẻ chín ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng H 9.744.000đ (Chín triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003118 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị*

*cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thế Anh**